

Bản án số: 26/2020/HS-PT
Ngày 13-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Long

Các Thẩm phán: Ông Bùi Trọng Danh

Bà Dương Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Đãi Em - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 210/2019/TLPT-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2019/HS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Văn T** - sinh ngày 14 tháng 3 năm 1997 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Số 383 đường C, tổ 67 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C (s) và bà Phạm Thị T (s); chung sống như vợ chồng với Hồ Thị Vân A và có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 01/2019, Lê Văn T nảy sinh ý định thực hiện hành vi lừa đảo để kiếm tiền tiêu xài cá nhân. T sử dụng tài khoản Facebook “Nguyễn Thị Phương T” mà T có sẵn từ trước và chỉnh sửa lại trang cá nhân của tài khoản này với thông tin: “Nguyễn Thị Phương T, hồ sơ vay tiền online của Ngân hàng ở Hà Nội” để cho

người khác tin tưởng là T có cho vay tiền. Sau đó, T dùng điện thoại iphone 6plus đăng nhập vào tài khoản Facebook này, đăng lên các nhóm vay tiền online với nội dung: “Hỗ trợ cho vay tiền, không thể chấp, thủ tục đơn giản, giải ngân nhanh”. Ngày 05/01/2019, T nhận được sự tương tác từ tài khoản Facebook có tên “Sai Em”. T và tài khoản Facebook này đã nhắn tin qua ứng dụng Messenger của Facebook để trao đổi về mức vay, lãi suất, hình thức thanh toán và chi phí làm hồ sơ. Quá trình trao đổi, người sử dụng tài khoản Facebook “Sai Em” đồng ý vay của T số tiền 70.000.000 đồng trong thời hạn 60 tháng, mỗi tháng trả góp 1.854.000 đồng và chi phí làm hồ sơ online là 2.000.000 đồng. T yêu cầu người sử dụng tài khoản Facebook trên gửi hình chụp chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu để lấy thông tin làm hồ sơ vay. Lúc này, T mới biết người sử dụng tài khoản Facebook “Sai Em” là chị “Trần Thị Kim C (sn: 1991; trú tại K64/61 đường N, Phường A, Quận B, Thành phố. Hồ Chí Minh). T có mở một tài khoản tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Hải Vân nhưng tài khoản này đã bị khoá. Do đó, T đã hỏi mượn Nguyễn Văn C (sn: 1998, trú tại xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình, là người thuê trọ tại gia đình T) một tài khoản ngân hàng thì C đồng ý cho T mượn thẻ ATM và mật khẩu thẻ ATM của C mở tại Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Đà Nẵng (số tài khoản: 109868995296, mang tên Nguyễn Văn C). T không nói cho C biết mục đích của việc mượn thẻ trên để làm gì. Sau đó, T đã gửi thông tin tài khoản ngân hàng trên qua cho chị để yêu cầu chị C chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng cho T. Ngày 06/01/2019, chị C sử dụng dịch vụ Internet Banking của tài khoản ngân hàng số: 0071001020135 của C (đăng ký tại ngân hàng Vietcombank) để chuyển số tiền 2.000.000 đồng qua tài khoản trên và gửi hình ảnh giao dịch chuyển tiền qua cho T. Đồng thời, T gửi cho chị C tin nhắn thông báo hồ sơ vay tiền của C đã được duyệt, để được nhận tiền thì chị C phải chuyển tiếp cho T số tiền: 4.000.000 đồng là tiền phí bảo hiểm và số tiền này sẽ được trả lại cho chị C khi hồ sơ vay tiền được giải ngân. Vì tin tưởng nên chị C đã chuyển thêm số tiền: 4.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng trên cho T. Sau khi nhận được tiền, T tiếp tục đưa ra lý do hồ sơ vay tiền của C là hồ sơ chui, bị cấp trên gây khó dễ nên yêu cầu chị C phải chuyển thêm số tiền: 4.000.000 đồng để được vay tiền nhanh. Chị C không đồng ý và yêu cầu T hoàn trả lại số tiền chi phí ban đầu mà C đã chuyển là: 6.000.000 đồng. Nhưng T đã trả lời rằng hồ sơ của C đã được duyệt trên hệ thống nên không thể rút tiền lại được. Do cần tiền vay nên ngày 07/01/2019, chị C đã chuyển thêm cho T số tiền 4.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng mà T đã cung cấp trên. Nhận thấy chị C dễ bị lừa, T tiếp tục yêu cầu C chuyển thêm số tiền: 5.000.000 đồng để làm hồ sơ nhanh chóng và dễ dàng hơn. Trong ngày 07/01/2019, chị C tiếp tục chuyển thêm cho T số tiền: 5.000.000 đồng. Đến lúc này, T đưa ra yêu cầu cuối cùng là C phải chuyển thêm số tiền là 10.000.000 đồng thì hồ

sơ vay của C sẽ được giải ngân ngay. Chị C đồng ý và chuyển tiếp số tiền: 10.000.000 đồng qua số tài khoản trên cho T. Tổng cộng chị C đã chuyển khoản cho T số tiền là: 25.000.000 đồng qua số tài khoản: 109868995296 (Chủ tài khoản Nguyễn Văn C). Số tiền này được T trực tiếp rút tiền mặt bằng thẻ tại trụ ATM (trước Đại học S Đà Nẵng) để tiêu xài vào mục đích cá nhân.

Quá trình điều tra, Lê Văn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6splus màu bạc có số Imei: 355734070271973.

- 01 thẻ đa năng ATM ngân hàng Vietinbank mang tên Nguyễn Văn C.

- 01 áo sơ mi nam màu đen, tay dài của Nguyễn Văn T.

- Bảng sao kê tài khoản ngân hàng Vietcombank (tên tài khoản: Trần Thị Kim C) thời gian từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/01/2019 được sao kê ngày 15/01/2019.

- 01 USB còn nguyên niêm phong do ngân hàng Vietinbank chi nhánh Đà Nẵng cung cấp.

- Tài liệu từ ảnh chụp màn hình điện thoại di động được in ra khổ giấy A4 ghi nhận quá trình trao đổi làm hồ sơ vay vốn giữa chị Trần Thị Kim C với đối tượng sử dụng Facebook tên Nguyễn Thị Phương T.

Về dân sự: Người bị hại Trần Thị Kim C đã được bị can bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 25.000.000 đồng, chị C không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 142/2019/HS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/12/2019, bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được xem xét theo trình tự phúc thẩm, giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T là đảm bảo hợp lệ.

+ Về nội dung kháng cáo: Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2019/HS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có cơ sở và mức án mà Tòa cấp sơ thẩm đã quyết định 12 (mười hai) tháng tù là phù hợp, bị cáo “phạm tội từ 2 lần trở lên” nên không thỏa mãn điều kiện được hưởng án treo, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Lê Văn T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, cho rằng không phạm tội nhiều lần và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình giảm nhẹ một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với kết luận của Bản án sơ thẩm. Bằng thủ đoạn gian dối, sử dụng tài khoản Facebook “Nguyễn Thị Phương T”, bị cáo đã đưa thông tin giả: “Nguyễn Thị Phương T, hồ sơ vay tiền online của Ngân hàng ở Hà Nội” để cho người khác tin tưởng là T có cho vay tiền. Sau khi kết nối được với tài khoản Facebook “Sai Em” do chị Trần Thị Kim C sử dụng; bị cáo đã hứa làm thủ tục cho chị C vay được số tiền 70.000.000 đồng trong thời hạn 60 tháng, mỗi tháng trả góp 1.854.000 đồng và chi phí làm hồ sơ online là 2.000.000 đồng. Sau đó, từ ngày 06/01/2019 đến ngày 07/01/2019, bị cáo đã 5 lần yêu cầu chị C chuyển tổng cộng số tiền là 25.000.000 đồng cho T thông qua tài khoản thẻ ATM số 109868995296 (Chủ tài khoản Nguyễn Văn C mở tại Ngân hàng Vietinbank), trong đó: 01 lần chuyển số tiền 2.000.000 đồng, 2 lần chuyển số tiền 4.000.000 đồng, 1 lần chuyển số tiền 5.000.000 đồng và 1 lần chuyển số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền trên, T đã rút ra và tiêu xài cá nhân hết; sau khi vụ án bị phát hiện ngày 02/10/2019 bị cáo đã bồi thường lại số tiền trên cho chị C. Với hành vi trên, Lê Văn T đã bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo nhiều lần đưa ra thông tin gian dối để 5 lần chiếm đoạt tiền của chị C, lần ít nhất là 2.000.000 đồng, lần nhiều nhất là 10.000.000 đồng; mỗi lần thực hiện hành vi chiếm đoạt đều cấu thành hành vi lừa đảo theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Vì

vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo “phạm tội từ 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là chính xác.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, khung hình phạt bị truy tố, xét xử có mức án từ cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm. Bị cáo phạm tội nhiều lần nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn là đúng pháp luật, cần thiết; tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; lần đầu bị xét xử về tội phạm ít nghiêm trọng; quá trình tố tụng bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại thể hiện sự ăn năn hối cải cho hành vi và việc làm của mình; bản thân bị cáo mới hoàn thành nghĩa vụ quân sự vào năm 2018; hoàn cảnh khó khăn hiện đang chung sống như vợ chồng với chị Hồ Thị Vân A và có 01 con nhỏ sinh năm 2019 nên Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; riêng đề nghị xin được hưởng án treo Hội đồng xét xử không chấp nhận do bị cáo không thỏa mãn điều kiện cho hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, sửa Bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo.

2. Căn cứ điểm khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Công an quận Liên Chiểu;
- PV27; PC81 Công an TP. Đà Nẵng;
- TAND quận Liên Chiểu;
- THA DS quận Liên Chiểu;
- Sở Tư pháp TPĐN;
- TB kết quả xét xử;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trần Minh Long